

Số: /QĐ-UBND Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Công bố Danh mục báo cáo định kỳ
lĩnh vực tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 16/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 449/TTr-STC ngày 23 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục báo cáo định kỳ lĩnh vực tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các ĐVSN thuộc tỉnh;
- Các DNNN thuộc tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, KSTT, K7, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng

Danh mục
BÁO CÁO ĐỊNH KỲ LĨNH VỰC TÀI CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH							
1	Báo cáo tình hình vay lại của Ủy ban nhân dân tỉnh	Các chủ đầu tư dự án sử dụng nguồn vốn vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ	Sở Tài chính	- Báo cáo 6 tháng đầu năm: trước ngày 08 tháng 7 của kỳ báo cáo; - Báo cáo năm: trước ngày 08 tháng 01 năm sau của kỳ báo cáo.	6 tháng đầu năm và báo cáo năm	Theo mẫu biểu số 1.01, 1.02, 1.03 kèm theo Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Điều 9 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Báo cáo 6 tháng đầu năm: trước ngày 13 tháng 7 của kỳ báo cáo; - Báo cáo năm: trước ngày 13 tháng 01 năm sau của kỳ báo cáo.			
2	Báo cáo kết quả thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Báo cáo định kỳ 9 tháng đầu năm: Trước ngày 05 tháng 10 của kỳ báo cáo; - Báo cáo định kỳ hàng năm: Trước ngày 05	9 tháng đầu năm và hàng năm	Theo Phụ lục số 01, 02, 04 tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ trưởng Bộ	Điều 10 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo.		Tài chính và Phụ lục số 04 tại Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
		Đơn vị dự toán khối huyện				Theo Phụ lục số 01, 02, 04 tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Phụ lục số 01-A hoặc 01-B hoặc 02 tại Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ trưởng Bộ	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						Tài chính (theo loại hình đơn vị tương ứng biểu mẫu)	
		Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Tài chính	- Báo cáo định kỳ 9 tháng đầu năm: Trước ngày 15 tháng 10 của kỳ báo cáo; - Báo cáo định kỳ hàng năm: Trước ngày 10 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo.		Theo Phụ lục số 01, 02, 04 tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Phụ lục số 05 tại Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
		Đơn vị dự toán khối tỉnh				Theo Phụ lục số 01, 02, 04 tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						10/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Phụ lục số 01-A hoặc 01-B hoặc 02 tại Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (theo loại hình đơn vị tương ứng biểu mẫu)	
		Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Báo cáo định kỳ 9 tháng đầu năm: Trước kỳ họp Hội đồng nhân dân cuối năm của kỳ báo cáo; - Báo cáo định kỳ hàng năm: Trước ngày 20 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo.		Theo Phụ lục số 01, 02, 04 tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Phụ lục số 06	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						tại Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
3	Báo cáo tình hình sử dụng nguồn dự phòng	Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trước ngày 03 của tháng đầu tiên kỳ báo cáo tiếp theo	3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm	Theo Mẫu số 1 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh (bao gồm mẫu số 1.1, 1.2 và 1.3)	Điều 11 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Tài chính	Trước ngày 05 của tháng đầu tiên kỳ báo cáo tiếp theo			
		Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	Trước ngày 07 của tháng đầu tiên kỳ báo cáo tiếp theo			
II. LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP							
4	Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan hành chính nhà	Các cơ quan hành chính nhà nước khối huyện	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trước ngày 10 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo	Hàng năm	Theo Mẫu số 07 tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày	Điều 12 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	nước trên địa bàn tỉnh					30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Ủy ban nhân dân tỉnh
		Đơn vị dự toán cấp III khối tỉnh	Cơ quan chủ quản cấp trên là đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp II (trường hợp có đơn vị dự toán cấp II)	Trước ngày 10 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo		Theo Mẫu số 06 tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT -BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Nội vụ	
		Đơn vị dự toán cấp II khối tỉnh	Đơn vị dự toán cấp I (trường hợp có đơn vị dự toán cấp II)	Trước ngày 12 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo		Theo Mẫu số 07 tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT -BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ	
		- Đơn vị dự toán cấp I khối tỉnh - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Tài chính	Trước ngày 15 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo			

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	Trước ngày 25 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo		Tài chính - Bộ trưởng Bộ Nội vụ	
5	Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định	Các đơn vị sự nghiệp công lập khối huyện	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trước ngày 10 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo	Hàng năm	Theo Phụ lục số 6 tại Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Điều 13 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Đơn vị dự toán cấp III khối tỉnh	Cơ quan chủ quản cấp trên là đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp II (trường hợp có đơn vị dự toán cấp II)	Trước ngày 10 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo		Theo Phụ lục số 5 tại Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
		Đơn vị dự toán cấp II khối tỉnh	Đơn vị dự toán cấp I (trường hợp có đơn vị dự toán cấp II)	Trước ngày 20 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo		Theo Phụ lục số 6 tại Thông tư số 145/2017/TT-	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
		- Đơn vị dự toán cấp I khối tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Sở Tài chính	Trước ngày 28 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo		BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
		Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	Trước ngày 20 tháng 3 năm sau của kỳ báo cáo				
		Đối với Tổ chức khoa học và công nghệ công lập						
		Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập	- Đơn vị dự toán cấp I; - Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Trước ngày 25 tháng 01 năm sau của kỳ báo cáo		Theo Mẫu B5.BCTC tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHHCN ngày 12/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ		
		- Đơn vị dự toán cấp I; - Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Sở Tài chính	Trước ngày 31 tháng 01 năm sau của kỳ báo cáo		Theo Mẫu B6.BCTC tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHHCN ngày 12/01/2017 của Bộ trưởng Bộ		
		Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	Trước ngày 20 tháng 3 năm sau của kỳ báo cáo				

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						Khoa học và Công nghệ	
III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ VÀ CÔNG SẢN							
6	Báo cáo tài sản công hàng năm	Theo Điều 130 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	Theo Điều 130 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	Theo khoản 2 Điều 130 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	Hàng năm	Theo Điều 131 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và các Biểu mẫu tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Điều 14 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Báo cáo giá thị trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài chính	- Báo cáo định kỳ hàng tháng (tháng 1,2,4,5,7,8,10,11): ngày cuối cùng của tháng thuộc kỳ báo cáo - Báo cáo định kỳ hàng quý (I,II,III): ngày cuối	Hàng tháng (tháng 1,2,4,5,7,8,10,11), quý (I,II,III) và năm	Theo Mẫu số 2.1 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của	Điều 15 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Sở Y tế		cùng của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo - Báo cáo định kỳ năm: ngày cuối cùng của năm thuộc kỳ báo cáo		Ủy ban nhân dân tỉnh	
		Sở Giáo dục và Đào tạo				Theo Mẫu số 2.2 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
		Sở Giao thông vận tải				Theo Mẫu số 2.3 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
						Theo Mẫu số 2.4 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Sở Tài chính	- Ủy ban nhân dân tỉnh - Bộ Tài chính	- Báo cáo định kỳ hàng tháng (tháng 1,2,4,5,7,8,10,11): trước ngày 05 tháng tiếp theo của kỳ báo cáo; - Báo cáo định kỳ hàng quý (I,II,III): trước ngày 05 tháng đầu của quý tiếp theo thuộc kỳ báo cáo; - Báo cáo định kỳ năm: trước ngày 05 tháng 01 năm sau của kỳ báo cáo.		38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Theo Phụ lục 1 tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
IV. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẦU TƯ							
8	Báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn	Ủy ban nhân dân cấp xã có công trình quyết toán dự án	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trước ngày 05 tháng 01 năm sau của kỳ báo cáo	Hàng năm	Theo Mẫu 12/QTDA tại Thông tư số	Điều 16 Quyết định số 38/2020/QĐ-

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Thành sử dụng nguồn vốn nhà nước	hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước trong kỳ báo cáo				10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện có công trình quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước trong kỳ báo cáo	Sở Tài chính	Trước ngày 10 tháng 01 năm sau của kỳ báo cáo			
		Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	Trước ngày 20 tháng 01 năm sau của kỳ báo cáo			
9	Báo cáo công khai tình hình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	Trước ngày 31 tháng 01 năm sau của kỳ báo cáo	Hàng năm	Theo Mẫu 04/CKTC-ĐTXD tại Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Điều 17 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Báo cáo quyết toán tình hình	Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trước ngày 15 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo	Hàng năm	Theo Mẫu 01/CDT,	Điều 18 Quyết định số

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm					02/CĐT, 03/CĐT, 04/CĐT tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Các đơn vị trực thuộc các Sở	Các Sở chủ quản	Trước ngày 15 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo		Theo Mẫu 01/CĐT, 02/CĐT, 03/CĐT, 04/CĐT tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
		Các Sở, ban, ngành	Sở Tài chính	Trước ngày 28 tháng 02 năm sau của kỳ báo cáo		Theo Mẫu 01/CĐT, 02/CĐT, 03/CĐT,	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						04/CĐT, 01/CQTH, 02/CQTH, 03/CQTH tại Thông tư số 85/2017/TT- BTC ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
		Ủy ban nhân dân cấp huyện				Theo Mẫu 01/CQTH, 02/CQTH, 03/CQTH tại Thông tư số 85/2017/TT- BTC ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
		Sở Tài chính	- Ủy ban nhân dân tỉnh; - Bộ Tài chính.	Sau 05 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán		Theo Mẫu 01/CQTH, 02/CQTH, 03/CQTH tại	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				ngân sách địa phương của kỳ báo cáo		Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
11	Báo cáo công khai quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hàng năm	Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách	Hàng năm	Theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Điều 19 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
V. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP							
12	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn tại doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Doanh nghiệp nhà nước	Sở Tài chính	Trước ngày 05 của tháng đầu quý sau kỳ báo cáo	Hàng quý (I,II,III,IV)	Theo Phụ lục 1C tại Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Điều 20 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Công ty cổ phần có vốn nhà nước				Theo Phụ lục III tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ	
		Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	Trước ngày 10 tháng đầu quý sau của kỳ báo cáo		Theo Phụ lục 1C tại Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
13	Báo cáo giám sát tài chính	Doanh nghiệp nhà nước	Sở Tài chính	- Định kỳ 6 tháng đầu năm: trước ngày 31 tháng 7 của kỳ báo cáo; - Định kỳ hàng năm: trước ngày 30 tháng 4 năm sau của kỳ báo cáo.	6 tháng đầu năm và hàng năm	Theo Biểu số 02.A, 02.B, 02.C, 02.D, 02.Đ, 04.A, 04.B tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của	Điều 21 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ		- Định kỳ 6 tháng đầu năm: trước ngày 10 tháng 7 của kỳ báo cáo; - Định kỳ hàng năm: trước ngày 31 tháng 3 năm sau của kỳ báo cáo.		Bộ trưởng Bộ Tài chính Theo Biểu số 02 tại Quyết định số 3872/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định	
		Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ		Định kỳ hàng năm: trước ngày 31 tháng 3 năm sau của kỳ báo cáo	Hàng năm	Theo Biểu số 03 tại Quyết định số 3872/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định	
		Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Đối với Báo cáo giám sát tài chính của Doanh nghiệp Nhà nước:	6 tháng đầu năm và hàng năm	Theo Biểu số 03 tại Thông tư số 200/2015/TT-	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				<p>+ Định kỳ 6 tháng đầu năm: trước ngày 15 tháng 8 của kỳ báo cáo; + Định kỳ hàng năm: trước ngày 15 tháng 5 năm sau của kỳ báo cáo.</p> <p>- Đối với báo cáo giám sát tài chính của Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:</p> <p>+ Định kỳ 6 tháng đầu năm: trước ngày 20 tháng 7 của kỳ báo cáo; + Định kỳ hàng năm: trước ngày 15 tháng 5 năm sau của kỳ báo cáo.</p> <p>- Đối với báo cáo giám sát tài chính của Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ: trước</p>		<p>BTC ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Biểu số 04 tại Quyết định số 3872/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định</p>	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				ngày 15 tháng 5 năm sau của kỳ báo cáo.			
14	Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp	- Doanh nghiệp nhà nước; - Công ty Cổ phần có vốn nhà nước.	Sở Tài chính	Trước ngày 30 tháng 4 năm sau của kỳ báo cáo	Hàng năm	Theo Biểu số 05.A và Biểu số 05.B tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Điều 22 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
		Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	Trước ngày 15 tháng 5 năm sau của kỳ báo cáo			
15	Báo cáo tổng hợp, phân tích báo cáo tài chính của các doanh nghiệp FDI	Các doanh nghiệp FDI - Cục Thuế tỉnh; - Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; - Sở Công Thương; - Cục Hải quan tỉnh; - Sở Lao động -	Sở Tài chính	Trước ngày 31 tháng 5 năm sau của kỳ báo cáo	Hàng năm	Gửi báo cáo tài chính đã được kiểm toán của kỳ báo cáo Gửi thông tin liên quan đến lĩnh vực của đơn vị quản lý	Điều 23 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Thương binh và Xã hội.					
		Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	Trước ngày 25 tháng 7 năm sau của kỳ báo cáo		Theo các Biểu mẫu 01/TH, 02/TH, 03/TH tại Công văn số 4363/BTC-TCDN ngày 01/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
16	Báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	Trước ngày 15 tháng 5 năm sau của kỳ báo cáo	Hàng năm	Theo Phụ lục 01A, 01B, 01C và 01D tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Điều 24 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
17	Báo cáo tình hình thực hiện công tác thoái vốn nhà nước	Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Định kỳ hàng quý (I,II,III,IV): trước ngày 20 tháng cuối của quý thuộc kỳ báo cáo;	Hàng quý (I,II,III,IV) và năm	Theo Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số	Điều 25 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	tại các doanh nghiệp			- Định kỳ hàng năm: trước ngày 20 tháng 12 của năm thuộc kỳ báo cáo.		38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh